

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

***Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015***



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 38

Ms. Đỗ Thị Ngọc Bích

30
N
H
M
DF
T
T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) đã được kiểm toán cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Chủ tịch
Bà Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên
Ông Ma Đức Tú	Thành viên
Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên
Ông Taira Yoshiyuki	Thành viên
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Thụy Bích Hân	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc

3. Các đơn vị trực thuộc và công ty con

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Đà Nẵng	76 – 78 Bạch Đằng, quận Hải Châu, Đà Nẵng.
- Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, Hồ Chí Minh.
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô 33, KCN Tân Tạo, Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- | | |
|---|--|
| - Công ty Cổ phần SMC Hà Nội | Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội |
| - Công ty TNHH SMC – SUMMIT | KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu. |
| - Công Ty TNHH Liên Doanh Ống Thép SENDO | Đường 1A, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu |
| - Công Ty TNHH SMC TOAMI | Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Bà Rịa-Vũng Tàu |
| - Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt | 147/6 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh |

4. Các hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox;
- Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 30/6/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 được trình bày từ trang 06 đến trang 38.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

11. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



(Handwritten signature in blue ink)

Nguyễn Ngọc Anh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 26 tháng 8 năm 2015



Số: 114c/BCKTHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (“Công ty”) và các Công ty con (“Tập đoàn”) được lập ngày 26 tháng 8 năm 2015, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015, và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con tại ngày 30/6/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho

Báo cáo tài chính hợp nhất

Trang 4/38



thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. HCM, ngày 26 tháng 8 năm 2015
Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



NGUYỄN VĂN TUYỀN
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0111-2013-042-1

KIỂM TOÁN VIÊN

Nodae

HỒ ĐẮC HIỂU
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0458-2013-042-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
A. Tài sản ngắn hạn	100		3.346.567.188.358	3.571.518.286.504
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	444.556.599.432	458.542.581.066
1. Tiền	111		379.206.599.432	170.817.581.066
2. Các khoản tương đương tiền	112		65.350.000.000	287.725.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.02	618.669.894.000	617.395.045.167
1. Đầu tư ngắn hạn	121		623.661.430.622	621.013.509.789
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(4.991.536.622)	(3.618.464.622)
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	V.03	1.095.977.261.899	1.185.409.030.335
1. Phải thu khách hàng	131		1.139.916.489.335	1.026.115.494.425
2. Trả trước cho người bán	132		27.299.927.096	202.145.525.506
3. Các khoản phải thu khác	135		16.224.185.131	11.659.334.605
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(87.463.339.663)	(54.511.324.201)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.04	1.036.653.796.324	1.159.804.472.088
1. Hàng tồn kho	141		1.074.038.743.705	1.172.726.318.439
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(37.384.947.381)	(12.921.846.351)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.05	150.709.636.704	150.367.157.848
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.348.465.072	548.648.462
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		113.957.641.551	105.572.369.833
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		27.036.439.670	34.119.477.347
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.367.090.411	10.126.662.206
B. Tài sản dài hạn	200		583.657.441.841	531.578.520.234
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		380.125.127.625	356.045.970.744
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(193.588.099.881)	(206.950.284.999)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	39.531.859.597	43.416.470.748
- Nguyên giá	225		56.344.184.529	56.344.184.529
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(16.812.324.932)	(12.927.713.781)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	40.085.897.830	40.369.266.468
- Nguyên giá	228		41.438.979.341	41.438.979.341
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.353.081.511)	(1.069.712.873)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	41.103.853.969	20.763.937.849
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240	V.10	5.337.138.576	-
1. Nguyên giá	241		5.337.138.576	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.11	95.965.100.024	79.682.926.088
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		63.413.653.536	46.713.420.739
2. Đầu tư dài hạn khác	258		82.470.767.544	82.470.767.544
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(49.919.321.056)	(49.501.262.195)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260	V.12	98.650.698.941	91.709.269.078
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		71.374.556.333	72.489.560.247
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		22.892.473.085	14.836.039.308
3. Tài sản dài hạn khác	268		4.383.669.523	4.383.669.523
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>	269	V.13	3.579.376.675	4.140.354.324
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.930.224.630.199	4.103.096.806.739



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
A. Nợ phải trả	300		3.545.077.735.055	3.536.164.559.579
I. Nợ ngắn hạn	310	V.14	3.438.395.094.655	3.415.095.075.221
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		2.568.289.675.228	2.671.513.305.267
2. Phải trả người bán	312		819.898.825.192	709.988.034.022
3. Người mua trả tiền trước	313		15.314.752.227	17.935.019.465
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		1.062.950.747	3.301.140.726
5. Phải trả người lao động	315		753.971.198	1.197.486.313
6. Chi phí phải trả	316		20.254.450.123	9.036.184.207
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		12.439.798.047	1.761.655.035
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		380.671.893	362.250.186
II. Nợ dài hạn	330	V.15	106.682.640.401	121.069.484.358
1. Vay và nợ dài hạn	334		97.739.350.879	118.453.780.022
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		21.248.428	18.194.085
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		8.922.041.094	2.597.510.251
B. Vốn chủ sở hữu	400		358.709.786.433	562.514.289.594
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	358.709.786.433	562.514.289.594
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		295.183.610.000	295.183.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		153.531.767.160	153.531.767.160
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.373.000.000	5.373.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(142.489.800)	(142.489.800)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		95.651.669.506	78.999.423.263
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	16.652.246.243
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(190.887.770.433)	12.916.732.728
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	V.17	26.437.108.711	4.417.957.565
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.930.224.630.199	4.103.096.806.739

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	30/6/2015	01/01/2015
1. Nợ khó đòi đã xử lý	6.941.380.701	187.223.826
2. Ngoại tệ các loại - USD	929.274.98	2,301,212.25

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính


 Nguyễn Thị Hồng Phúc
 Người lập biểu


 Đỗ Doãn Thành Công
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Ngọc Anh
 Tổng Giám đốc



Ngày 26 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		5.425.380.817.027	5.360.587.490.169
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		1.423.298.168	934.909.353
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	5.423.957.518.859	5.359.652.580.816
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	5.436.935.642.232	5.214.682.071.583
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ/(lỗ)	20		(12.978.123.373)	144.970.509.233
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	27.764.093.561	18.670.437.326
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	83.037.735.736	45.030.141.311
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		68.900.307.810	30.591.547.378
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính			1.791.130.861	(754.128.740)
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	86.593.569.065	69.123.603.484
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	71.240.798.895	38.963.119.073
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/(lỗ)	30		(226.086.133.508)	10.524.082.691
11. Thu nhập khác	31	VI.07	18.102.719.980	11.228.238.074
12. Chi phí khác	32	VI.08	790.534.901	7.764.974.326
13. Lợi nhuận khác	40		17.312.185.079	3.463.263.748
14. Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	45		765.732.797	474.597.416
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/(lỗ)	50		(208.008.215.632)	14.461.943.855
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	1.692.864.286	3.519.161.335
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(8.053.379.434)	1.746.834.852
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/(lỗ)	60		(201.647.700.484)	9.195.947.668
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho:				
19. Lợi ích của Cổ đông thiểu số/(lỗ)	61		305.643.935	(252.575.579)
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ/(lỗ)	62		(201.953.344.419)	9.448.523.247
21. Lãi/(lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu	70	VI.11	(6.843)	320

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Thị Hồng Phúc
 Người lập biểu

Đỗ Đoàn Thành Công
 Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 26 tháng 8 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	(208.008.215.632)	14.461.943.855
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	20.217.948.892	30.375.333.698
Các khoản dự phòng	03	59.206.247.353	(4.357.422.717)
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	4.607.883.849	4.566.110.114
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(55.004.317.172)	(11.758.124.108)
Chi phí lãi vay	06	68.900.307.810	28.538.944.768
<i>Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(110.080.144.900)	61.826.785.611
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	64.118.635.964	(249.789.730.707)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	98.687.574.734	560.831.832.124
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	152.989.040.876	(294.299.042.523)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(684.812.696)	1.644.527.599
Tiền lãi vay đã trả	13	(71.123.769.291)	(28.539.974.986)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.437.454.207)	(1.801.249.848)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	835.577.590	5.288.480.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.551.500.000	(97.841.680)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	131.856.148.070	55.063.785.590
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(49.819.595.195)	(7.188.421.519)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	5.656.224.424
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(151.000.000.000)	(118.300.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	221.352.079.167	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(57.065.500.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	14.317.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.665.389.380	9.384.108.107
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.867.626.648)	(110.433.771.988)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.402.832.123.253	3.690.710.580.556
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.526.484.723.311)	(3.193.916.999.393)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(4.039.232.686)	(3.672.193.742)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(8.853.492.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(127.691.832.744)	484.267.894.521
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(13.703.311.322)	428.897.908.123
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	458.542.581.066	302.957.529.361
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(282.670.313)	722.716.301
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	444.556.599.431	732.578.153.785

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Thị Hồng Phúc
 Người lập biểu

Đỗ Đoàn Thành Công
 Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ, tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303522206 ngày 06/11/2012.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 295.183.610.000 đồng, được chia thành 29.518.361 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.

2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SMC Trading Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: SMC J.S.C.

- Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Đà Nẵng.

3 Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

4 Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất. Lập dự án đầu tư xây dựng. Kinh doanh nhà. Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động của Tập đoàn đến ngày 30/6/2015: 480 người.

6 Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh

Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, Hồ Chí Minh	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%

6 Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh (tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô số 33, KCN Tân Tạo, Bình Tân, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty CP SMC Hà Nội	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	82,11%	82,11%
Công Ty TNHH Liên Doanh Ông Thép SENDO	Đường 1A, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	75,00%	75,00%
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	50,00%	50,00%
Công Ty TNHH SMC TOAMI	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	25,00%	25,00%
Công ty CP SX TM VT Sao Việt	147/6 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	35,00%	35,00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Cho năm tài chính 2015, Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Riêng Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã chọn lập Báo cáo tài chính theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con ("Tập đoàn") được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không chủ định trình bày nhằm cung cấp các thông tin tài chính theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài Việt Nam.

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Tập đoàn ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Tập đoàn. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Tập đoàn với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

3. Đầu tư vào công ty liên doanh

Liên doanh là thoả thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

5. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

7. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí công cụ, dụng cụ
- Chi phí bảo hiểm
- Chi phí triển khai dự án
- Phí hạ tầng khu công nghiệp
- Tiền thuê đất trả trước
- Chi phí chờ phân bổ khác

9. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

10. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho là bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

11. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 20 năm
Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	02 - 08 năm
Phần mềm	02 - 20 năm

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khi bất động sản đầu tư được bán, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Hiện tại, bất động sản đầu tư đang được Công ty ghi nhận và hạch toán theo giá trị sổ sách kế toán.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

13. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty con được phân bổ trong thời gian 10 năm, bắt lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty con được ghi nhận vào thu nhập trên báo cáo tài chính hợp nhất.

14. Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Máy móc thiết bị và Phương tiện vận tải 06 - 08 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

17. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

18. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

20. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

21. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào khối lượng dịch vụ cung cấp và người mua chấp nhận thanh toán.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan.

22. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

23. Thuế

Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con ("Tập đoàn") có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang (nếu có). Tập đoàn được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty TNHH MTV Cơ Khí SMC được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án "Nhà máy Cơ khí - Thép SMC" bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo. Năm 2015 là năm tài chính thứ ba Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Công ty TNHH Thép SMC được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án "Đầu tư mở rộng Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm thép" bắt đầu hoạt động kinh doanh. Năm 2015 là năm tài chính thứ chín Công ty được hưởng thuế suất 15% đối với hoạt động gia công.

- Công ty Cổ phần SMC Hà Nội được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến, đóng gói thủy sản, kho vận và gia công thép lá cuộn" bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2015 là năm tài chính thứ năm Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Tiền thuế đất được miễn 11 năm kể từ khi Dự án đi vào hoạt động.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Tập đoàn ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

24. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2015	01/01/2015
Tiền mặt	3.586.244.271	2.584.184.650
Tiền gửi ngân hàng	(*) 375.620.355.160	168.233.396.416
Tiền gửi có kỳ hạn (01 - 03 tháng)	65.350.000.000	287.725.000.000
Cộng	444.556.599.432	458.542.581.066

(*) Trong đó, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 929,274.98 USD tương đương 20.232.974.501 đồng.

2. Đầu tư ngắn hạn	30/6/2015	01/01/2015
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng, lãi suất từ 6% đến 9%/năm	606.400.000.000	600.552.079.167
Cho vay ngắn hạn	(2.1) 9.700.000.000	12.900.000.000
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(2.2) 7.561.430.622	7.561.430.622
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.2) (4.991.536.622)	(3.618.464.622)
Cộng	618.669.894.000	617.395.045.167

(2.1) Bao gồm:	30/6/2015	01/01/2015
Công ty CP Thép Kim Khang (lãi suất 9%/năm)	400.000.000	2.400.000.000
Công ty CP Đầu tư Nam Long	-	10.000.000.000
Công ty TNHH Thép Việt Nga (lãi suất 7,5%/năm)	8.800.000.000	-
Ông Lê Bá Công (lãi suất 6,5%/năm)	500.000.000	500.000.000
Cộng	9.700.000.000	12.900.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(2.2) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 30/6/2015

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Chứng khoán đã niêm yết				
Công ty CP Thép Pomina	170.670	3.953.038.722	(2.792.482.722)	1.160.556.000
Chứng khoán chưa niêm yết				
Công ty CP Vận tải Biển và Hợp tác Lao động Quốc tế (trước đây là Công ty CP Inlaco Sài Gòn)	55.000	1.830.000.000	(1.830.000.000)	-
(*) Công ty CP Tư vấn XD Tổng hợp	29.714	632.908.200	(127.770.200)	505.138.000
(*) Công ty CP Bao bì Sài Gòn	70.000	725.000.000	-	725.000.000
(*) Công ty CP Đại lý Hàng Hải VN	11.200	420.483.700	(241.283.700)	179.200.000
Cộng		7.561.430.622	(4.991.536.622)	2.569.894.000

(*) Trong thời kỳ tài chính này, Tập đoàn đã nhận được cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 77.428.640 đồng.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	30/6/2015	01/01/2015
Phải thu khách hàng	(3.1) 1.139.916.489.335	1.026.115.494.425
Trả trước cho người bán	(3.2) 27.299.927.096	202.145.525.506
Phải thu khác	(3.3) 16.224.185.131	11.659.334.605
Cộng	1.183.440.601.562	1.239.920.354.536
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.4) (87.463.339.663)	(54.511.324.201)
Cộng giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	1.095.977.261.899	1.185.409.030.335

(3.1) Bao gồm:

	30/6/2015	01/01/2015
- Phải thu thương mại	(*) 1.051.730.073.457	951.878.348.133
- Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII.1)	88.186.415.878	74.237.146.292
Cộng	1.139.916.489.335	1.026.115.494.425

(*) Trong đó, bao gồm các khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 4,197,259.59 USD tương đương 91.470.517.341 đồng.

(3.2) Trong đó, bao gồm khoản trả trước người bán có gốc ngoại tệ là 795,615.89 USD tương đương 17.351.765.884 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(3.3) Bao gồm:	30/6/2015	01/01/2015
- Phải thu lãi từ tiền gửi, ký quỹ, cho vay	9.309.166.111	1.443.124.716
- Phải thu lãi quá hạn	164.902.087	164.902.087
- Khoản tiền cho mượn đến cá nhân	500.000.000	500.000.000
- Phải thu các bên liên quan	-	257.000.000
- Phải thu UBND TPHCM liên quan đến tiền lãi vay được hỗ trợ (*)	1.010.316.808	1.888.123.981
- Phải thu liên quan đến chiết khấu thương mại được hưởng	3.478.767.870	5.666.894.060
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa được khấu trừ	613.389.272	-
- Phải thu Công ty TNHH DV và TM Kim Tơ	436.037.033	1.336.037.033
- Các khoản phải thu khác	711.605.950	403.252.728
Cộng	16.224.185.131	11.659.334.605

(*) Khoản lãi vay được hỗ trợ thuộc Chương trình kích cầu của thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 28/5/2011 và Quyết định số 852/QĐ-UBND Ủy ban Nhân dân Thành phố ngày 26/02/2014 liên quan đến dự án đầu tư sản xuất sản phẩm cơ khí công nghiệp phụ trợ từ thép lá, thép tấm, sử dụng thiết bị thế hệ mới, công nghệ mới được điện tử hóa, tự động hóa, điều khiển theo chương trình máy tính. Tổng vốn vay được ngân sách hỗ trợ lãi suất là 81.921.000.000 đồng trong thời gian 5 năm.

(3.3) Biến động dự phòng phải thu khó đòi:	Thời kỳ này
Số dư đầu năm	(54.511.324.200)
Trích lập dự phòng	(40.149.925.288)
Xử lý xóa sổ khoản dự phòng	6.754.156.875
Hoàn nhập dự phòng	443.752.950
Số dư cuối kỳ	(87.463.339.663)

4. Hàng tồn kho	30/6/2015	01/01/2015
Nguyên vật liệu	722.020.809.553	718.102.966.433
Công cụ, dụng cụ	414.415.288	331.005.493
Thành phẩm tồn kho	160.988.955.648	237.687.277.698
Hàng hoá	190.614.563.216	216.605.068.815
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(37.384.947.381)	(12.921.846.351)
Cộng	1.036.653.796.324	1.159.804.472.088

(*) Biến động dự giảm giá hàng tồn kho:	Thời kỳ này
Số dư đầu năm	(12.921.846.351)
Trích lập dự phòng	(26.048.668.085)
Hoàn nhập dự phòng	1.585.567.054
Số dư cuối kỳ	(37.384.947.381)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Tài sản ngắn hạn khác		30/6/2015	01/01/2015
Chi phí trả trước ngắn hạn (chủ yếu là công cụ, dụng cụ)		2.348.465.072	548.648.462
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		113.957.641.551	105.572.369.833
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	(5.1)	27.036.439.670	34.119.477.347
Tài sản ngắn hạn khác	(5.2)	7.367.090.411	10.126.662.206
Cộng		150.709.636.704	150.367.157.848
(5.1) Bao gồm:		30/6/2015	01/01/2015
- Thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn (chưa có quyết định)		23.541.653.407	23.541.653.407
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		3.466.349.708	3.241.065.708
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa		28.436.555	43.609.968
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu tạm nộp		-	7.293.148.264
Cộng		27.036.439.670	34.119.477.347
(5.2) Bao gồm:		30/6/2015	01/01/2015
- Các khoản tạm ứng		5.257.490.411	4.884.996.206
- Ký quỹ khác		7.600.000	28.100.000
- Ký quỹ mua hàng hoá - VND		2.102.000.000	3.633.000.000
- Ký quỹ mua hàng hoá - USD		-	1.580.566.000
Cộng		7.367.090.411	10.126.662.206

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	185.858.861.246	191.562.295.047	62.395.481.692	18.629.942.693	458.446.580.678
Tăng	4.822.935.739	17.683.241.124	1.636.363.636	-	24.142.540.499
Giảm	-	29.597.505.067	-	-	29.597.505.067
Số dư cuối kỳ	190.681.796.985	179.648.031.104	64.031.845.328	18.629.942.693	452.991.616.110
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	52.318.702.419	102.146.826.974	37.191.527.286	15.293.228.321	206.950.284.999
Tăng	4.746.257.672	7.506.492.085	3.292.541.180	504.678.166	16.049.969.103
Giảm	-	29.412.154.221	-	-	29.412.154.221
Số dư cuối kỳ	57.064.960.091	80.241.164.838	40.484.068.466	15.797.906.487	193.588.099.881
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	133.540.158.827	89.415.468.073	25.203.954.406	3.336.714.372	251.496.295.679
Số dư cuối kỳ	133.616.836.894	99.406.866.266	23.547.776.862	2.832.036.206	259.403.516.229

TSCĐ hữu hình tăng trong kỳ do mua mới, xây dựng cơ bản hoàn thành và giảm trong kỳ là do Công ty đem tài sản đi góp vốn thành lập Công ty TNHH SMC TOAMI.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 53.245.998.811 đồng.

Tại ngày 30/6/2015, tài sản cố định hữu hình đang được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại thuyết minh số V.14.1 và V.15.1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	33.607.900.000	7.831.079.341	41.438.979.341
Số dư cuối kỳ	(*) 33.607.900.000	7.831.079.341	41.438.979.341
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.069.712.873	1.069.712.873
Tăng	-	283.368.638	283.368.638
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	1.353.081.511	1.353.081.511
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	33.607.900.000	6.761.366.468	40.369.266.468
Số dư cuối kỳ	33.607.900.000	6.477.997.830	40.085.897.830

Nguyên giá phần mềm cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 342.393.816 đồng.

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng vô thời hạn tại 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh trị giá 33.607.900.000 đồng. Quyền sử dụng đất đang được sử dụng để thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

8. Tài sản cố định thuê tài chính (máy móc thiết bị và phương tiện vận tải)

	01/01/2015	Tăng	Giảm	30/6/2015
Nguyên giá	56.344.184.529	-	-	56.344.184.529
Hao mòn lũy kế	12.927.713.781	3.884.611.151	-	16.812.324.932
Giá trị còn lại	43.416.470.748			39.531.859.597

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2015	01/01/2015
Mua sắm tài sản cố định	9.934.618.008	11.692.513.519
Chi phí xây dựng nhà văn phòng, nhà xưởng tại Công ty TNHH Liên doanh Ông Thép SENDO	30.647.901.936	-
Giá trị 2 căn hộ tại Era Town	-	5.337.138.576
Các công trình khác	521.334.025	3.734.285.754
Cộng	41.103.853.969	20.763.937.849

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Nguyên giá	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
- 2 căn hộ Era town	-	5.337.138.576	-	5.337.138.576
Tồn thất do suy giảm giá trị				
- 2 căn hộ Era town	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
- 2 căn hộ Era town	-	5.337.138.576	-	5.337.138.576

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		30/6/2015	01/01/2015
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(11.1)	63.413.653.536	46.713.420.739
Đầu tư dài hạn khác	(11.2)	82.470.767.544	82.470.767.544
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(11.2)	(49.919.321.056)	(49.501.262.195)
Cộng		95.965.100.024	79.682.926.088

(11.1) Bao gồm:	Giá trị đầu tư	Phần lãi (lỗ) thuộc sở hữu của Tập đoàn tại Công ty LK, LD	Cộng
Các công ty chưa niêm yết			
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	41.640.000.000	5.319.204.618	46.959.204.618
Công ty TNHH SMC Toami	15.934.500.000	105.198.918	16.039.698.918
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại			
(*) Vật tư Sao Việt	1.750.000.000	(1.335.250.000)	414.750.000
Cộng	59.324.500.000	4.089.153.536	63.413.653.536

(*) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt (công ty liên kết) đã nhận được Giấy xác nhận số 069/CT-TTDL ngày 04/01/2012 về việc hoàn tất các nghĩa vụ về thuế và chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Tuy nhiên, tính đến thời điểm lập báo cáo này, các bên liên quan chưa đạt được thoả thuận về việc hoàn lại giá trị đầu tư nên Tập đoàn chưa ghi nhận giảm khoản đầu tư nêu trên.

(11.2) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác và trích lập dự phòng đầu tư dài hạn khác tại thời điểm 30/6/2015

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Chứng khoán đã niêm yết				
Công ty CP Thép Pomina	1.430.000	33.599.960.344	(23.875.960.344)	9.724.000.000
Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM				
(*) Công ty CP Thép Biên Hòa	473.170	12.175.807.200	(9.052.885.200)	3.122.922.000
Công ty CP Thép Nhà Bè	115.000	2.720.000.000	(2.191.000.000)	529.000.000
Chứng khoán chưa niêm yết				
(*) Công ty CP Đầu tư Nam Khang	450.000	9.875.000.000	-	9.875.000.000
Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất	1.400.000	14.000.000.000	(14.000.000.000)	-
Tổng Công ty Thép Việt Nam	1.000.000	10.100.000.000	(799.475.512)	9.300.524.488
Cộng		82.470.767.544	(49.919.321.056)	32.551.446.488

(*) Trong thời kỳ tài chính này, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 255.922.760 đồng.

12. Tài sản dài hạn khác		30/6/2015	01/01/2015
Chi phí trả trước dài hạn	(12.1)	71.374.556.333	72.489.560.247
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(12.2)	22.892.473.085	14.836.039.308
Tài sản dài hạn khác	(12.3)	4.383.669.523	4.383.669.523
Cộng		98.650.698.941	91.709.269.078

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(12.1) Bao gồm:	30/6/2015	01/01/2015
- Phí hạ tầng khu công nghiệp trả trước	1.946.028.396	1.971.588.966
- Chi phí thuê đất trả trước (*)	68.351.830.996	69.436.230.891
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	290.957.644	12.500.000
- Chi phí liên quan đến dự án Phú Mỹ chờ phân bổ	590.532.220	708.638.662
- Chi phí trả trước dài hạn khác	195.207.077	360.601.728
Cộng	71.374.556.333	72.489.560.247
(*) Bao gồm:	30/6/2015	01/01/2015
Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương đến tháng 11 năm 2046	1.817.756.681	1.847.883.958
Chi phí thuê đất tại Lô 33 - đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo mở rộng, Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh đến ngày 16/8/2050	50.236.007.784	50.943.557.189
Chi phí thuê đất tại KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh đến 29/12/2048	16.115.809.794	16.356.344.268
Chi phí đền bù tại lô đất số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc (nay là thành phố Hà Nội) đến tháng 7/2052	182.256.737	288.445.476
Cộng	68.351.830.996	69.436.230.891
(12.2) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ như sau	30/6/2015	01/01/2015
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	14.706.832.477	7.846.228.788
- Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.558.787.310
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	4.033.431.471	3.846.936.841
- Khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	2.860.774.507	1.359.760.272
- Chi phí khấu hao	416.605.608	224.326.097
- Chênh lệch do đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn	874.829.022	-
Cộng	22.892.473.085	14.836.039.308
(12.3) Bao gồm:	30/6/2015	01/01/2015
- Khoản ký quỹ thuế tài chính	4.373.669.523	4.373.669.523
- Ký quỹ dài hạn khác	10.000.000	10.000.000
Cộng	4.383.669.523	4.383.669.523
13. Lợi thế thương mại	(*) 3.579.376.675	4.140.354.324

(*) Giá trị còn lại của lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần SMC Hà Nội chờ phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Nợ ngắn hạn		30/6/2015	01/01/2015
Vay và nợ ngắn hạn	(14.1)	2.568.289.675.228	2.671.513.305.267
Phải trả người bán	(14.2)	819.898.825.192	709.988.034.022
Người mua trả tiền trước		15.314.752.227	17.935.019.465
* Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(14.3)	1.062.950.747	3.301.140.726
Phải trả người lao động		753.971.198	1.197.486.313
Chi phí phải trả	(14.4)	20.254.450.123	9.036.184.207
Các khoản phải trả khác	(14.5)	12.439.798.047	1.761.655.035
Quỹ khen thưởng phúc lợi		380.671.893	362.250.186
Cộng		3.438.395.094.655	3.415.095.075.221

(14.1) Bao gồm:		30/6/2015	01/01/2015
- NH TMCP Công Thương - CN Tp.HCM	(a)	1.282.616.415.800	1.384.419.004.110
- NH TMCP Công Thương - CN Đông Sài Gòn	(b)	639.611.690.368	390.067.454.441
- NH TMCP Công Thương - CN Quang Minh	(c)	77.729.849.894	79.986.806.035
- NH TNHH MTV HSBC Việt Nam		-	188.792.675.546
- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	(d)	299.544.573.349	282.249.164.251
- NH TNHH MTV Standard Chartered	(e)	97.385.443.539	184.705.837.595
- NH TMCP Quân đội - CN TPHCM	(f)	93.823.815.806	64.952.432.003
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng		-	44.941.203.204
- Các khoản vay từ các cá nhân	(g)	34.857.000.000	8.917.000.000
- Phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn	(15*)	42.720.886.472	42.481.728.082
Cộng		2.568.289.675.228	2.671.513.305.267

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Theo 5 hợp đồng tín dụng với tổng hạn mức là 800,5 tỷ đồng; thời hạn vay: từ 02 - 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/6/2015: đối với VND là từ 2,12% đến 4,3%/năm, USD là 2,3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; quyền sử dụng đất và công trình trên đất tại số 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. HCM; hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là **902.693.887.230 đồng**, bao gồm: 765.751.240.871 đồng và 6,271,703.52 USD tương đương 136.942.656.429 đồng.

- Theo hợp đồng tín dụng số 14.1070077/2014-HĐTDHM/NHCT900 - THEP SMC ngày 18/8/2014; với tổng hạn mức là 300 tỷ đồng; thời hạn vay 03 đến 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/6/2015 là 4,3%/năm (đối với VND), 2,3%/năm (đối với USD). Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là **200.050.834.582 đồng**. Trong đó, bao gồm 114.130.337.103 đồng và 3,934,989.58 USD tương đương 85.920.497.479 đồng.

- Theo hợp đồng tín dụng số 14.1070118/2014 - HĐTDHM/NHCT900-CO KHI SMC ngày 30/9/2014 với hạn mức là 260 tỷ đồng; thời hạn vay: 04 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/6/2015 đối với VND là: 4,5%/năm, đối với USD là: 2,5%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là **179.871.693.988 đồng**, bao gồm 163.753.773.988 đồng và 738,000.00 USD tương đương 16.117.920.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ, tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Theo hợp đồng tín dụng số 90/2014-HĐTDHM/NHCT946-SMC BD ngày 02/6/2014 với hạn mức tín dụng là 240 tỷ đồng, thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại ngày 30/6/2015 là 2,1%-4,3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng số 12.39.0009B/HĐTC ngày 18/7/2012, hợp đồng số 01/2013-HĐTCHH/NHCT946-SMC BD ngày 25/7/2013 và hợp đồng số 01/2013-HĐTCNT/NHCT946-SMC BD ngày 25/7/2013 và 2 hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là **183.042.509.758 đồng**.

- Theo hợp đồng tín dụng số 111/2014-HĐTDHM/NHCT946-KDT SMC ngày 20/6/2014 với hạn mức tín dụng là 250 tỷ đồng, thời hạn vay: từ 01 đến 3 tháng, lãi suất vay tại ngày 30/6/2015: từ 2,45% đến 4,3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng bảo lãnh của Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là **233.152.176.496 đồng**.

- Theo Hợp đồng tín dụng số 275/2014-HĐTDHM/NHCT946-SMC TAN TAO ngày 12/12/2014 với hạn mức tín dụng 300 tỷ đồng; Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/6/2015 là 2,45%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay là quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2014-HĐTC/NHCT946-SMC TAN TAO, máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp máy móc số 28/2013-HĐTC.MMTB/NHCT946-SMC TAN TAO, dây chuyền máy cắt thép theo Hợp đồng thế chấp số 93/2014-HĐTC/NHCT946-SMC TAN TAO, hàng hóa luân chuyển theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 29/2014-HĐTC/NHCT946 - SMC TAN TAO, các khoản phải thu luân chuyển theo Hợp đồng thế chấp số 30/2014-HĐTC/NHCT946-SMC TAN TAO, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng An Bình theo Hợp đồng thế chấp số 223, 259/2014-HĐTC/NHCT946-SMC TAN TAO và các văn bản bảo lãnh của Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là **223.417.004.114 đồng**.

(c) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh theo các Hợp đồng Tín dụng số 14.048.0204-HĐTDHM/NHCT264- SMCHN ngày 10/4/2014 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 14.48.0204/2014-HĐTD-SDDBS01/NHCT264-SMCHN ngày 30/9/2014. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất từ 4,3 - 5%/năm, thời hạn vay từ 2 - 3 tháng. Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế và hàng hóa có nguồn gốc hình thành từ vốn vay ngân hàng và các tài sản khác theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 13.43.0022/HĐTC ngày 22/02/2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung; và bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang của Công ty CP Đầu tư và Thương mại SMC. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là **77.729.849.894 đồng**.

(d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0104/KH/13NH ngày 26/4/2013 và các phụ lục đính kèm với hạn mức là 300 tỷ đồng; thời hạn vay: 01 - 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/6/2015: đối với VND là từ 4,3 đến 4,5%/năm, đối với USD 2,1%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thép SMC với tổng giá trị đảm bảo là 35.973.778.422 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là **299.544.573.349 đồng**, bao gồm: 283.168.312.868 đồng và 750.000.48 USD tương đương 16.376.260.481 đồng.

(e) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) theo hợp đồng tín dụng số SBFL/14-43 ngày 13/5/2014 với hạn mức tín dụng là 20,000,000.00 USD; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 03 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/6/2015: đối với VND là 4,2%/năm, USD là 2,1%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là **97.385.443.539 đồng**, bao gồm: 24.618.056.816 đồng và 3,332,603.01 USD tương đương 72.767.386.723 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 201.14.110.813881.TD ngày 10/7/2014 và hợp đồng sửa đổi ngày 28/7/2014 với hạn mức là 200 tỷ đồng; thời hạn vay: 03 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/6/2015 là 4,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo là hàng hóa hiện hữu của Công ty, khoản phải thu hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là **93.823.815.806 đồng**.

(g) Các khoản vay cá nhân được thực hiện theo từng biên bản thoả thuận với thời hạn 01 năm, lãi suất huy động 6%/năm, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của tháng.

	30/6/2015	01/01/2015
(14.2) Bao gồm:		
- Phải trả các bên liên quan (thuyết minh số VII.1)	69.350.898.423	160.557.926.664
- Phải trả thương mại (*)	750.547.926.769	549.430.107.358
Cộng	819.898.825.192	709.988.034.022
(*) Trong đó, bao gồm các khoản phải trả có gốc ngoại tệ là 9,698,224.98 USD tương đương 211.761.112.440 đồng.		
(14.3) Bao gồm:		
- Thuế giá trị gia tăng	370.736.367	25.093.022
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	326.955.025	3.044.163.046
- Thuế thu nhập cá nhân	328.653.016	231.884.658
- Các loại thuế khác và tiền chậm nộp	36.606.339	-
Cộng	1.062.950.747	3.301.140.726
(14.4) Bao gồm:		
- Chi phí lãi vay phải trả	1.984.378.043	4.207.839.524
- Chênh lệch chi phí vốn tăng thêm phải trả do vay VND với lãi suất USD	8.544.421.948	4.129.048.454
- Chi phí còn phải trả khác (chi phí môi giới, dịch vụ,...)	9.725.650.132	699.296.229
Cộng	20.254.450.123	9.036.184.207
(14.5) Bao gồm:		
- Kinh phí công đoàn, bảo hiểm bắt buộc	203.549.665	292.290.552
- Phải trả các bên liên quan (thuyết minh số VII.1)	10.204.220.720	1.194.750.000
- Thù lao HĐQT và BKS còn phải trả	178.491.048	178.491.048
- Khoản nhận ký quỹ thực hiện hợp đồng	100.000.000	-
- Các khoản phải trả khác	1.753.536.614	96.123.435
Cộng	12.439.798.047	1.761.655.035
15. Nợ dài hạn		
Vay và nợ dài hạn (15.1)	97.739.350.879	118.453.780.022
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	21.248.428	18.194.085
Doanh thu chưa thực hiện (15.2)	8.922.041.094	2.597.510.251
Cộng	106.682.640.401	121.069.484.358

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(15.1) Bao gồm:		30/6/2015	01/01/2015
- NH TMCP Công Thương - CN Tp.HCM	(a)	27.814.000.000	35.138.000.000
- NH TMCP Công Thương - CN Đông Sài Gòn	(b)	69.100.000.000	76.300.000.000
- NH TNHH MTV SHIHAN (Việt Nam)	(c)	11.790.900.000	13.071.708.000
- Ngân hàng TNHH Indovina	(d)	8.666.311.500	9.421.524.000
- Nợ dài hạn	(e)	23.089.025.851	27.004.276.104
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(*)	(42.720.886.472)	(42.481.728.082)
Cộng		97.739.350.879	118.453.780.022

(a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng tín dụng:

- Theo hợp đồng tín dụng 09.675003/HĐTD.TDH ngày 30/7/2009, tổng hạn mức tín dụng: 99,9 tỷ đồng, thời hạn vay 7 năm, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay thực hiện dự án đầu tư nhà máy Cơ khí Thép SMC tại khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại ngày 30/6/2015 là 10,5%/năm. Số dư nợ vay tại ngày 30/6/2015 là **14.350.000.000 đồng**. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 11.480.000.000 đồng (*).

- Theo Hợp đồng số 12.146001/HĐTD.DH ngày 12/12/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 12.146011-02/HĐTDDBS ngày 01/11/2014 với số tiền vay tối đa 20 tỷ đồng. Mục đích sử dụng là thực hiện dự án đầu tư hạng mục xây dựng Trung tâm gia công thép lá cuộn tại Lô số 47, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội. Thời hạn vay là 78 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng, lãi suất cho vay tại 30/6/2015 là 9,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là toàn bộ tài sản gắn liền với đất và quyền phát sinh liên quan đến quyền thuê đất tại Lô số 47, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 12.146001/HĐTC.HTTTL ngày 12/12/2012 với giá trị tài sản là 34.294.000.000 đồng. Lịch trả nợ hàng quý bắt đầu từ 01/7/2013 với số tiền trả nợ là 792 triệu đồng/quý. Số dư nợ vay dài hạn đến ngày 30/6/2015 là **13.464.000.000 đồng**. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 3.168.000.000 đồng (*).

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 22/2013-HĐTDDA/NHCT946-SMC TAN TAO ngày 11/9/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 22/2013-HĐTD-SĐBS01/NHCT946-SMC TAN TAO với hạn mức tín dụng 82 tỷ đồng; Mục đích: đầu tư xây dựng dự án Trung tâm gia công thép tấm tại KCN Tân Tạo; thời hạn vay: 78 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/6/2015 là 8,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là **69.100.000.000 đồng**. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 14.400.000.000 đồng (*).

(c) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV SHIHAN (Việt Nam) theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/2013/SMC/HĐTD01 ngày 05/4/2013 với tổng hạn mức là 3,645,000.00 USD; mục đích vay: mua dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất thép; thời hạn vay: 05 năm; lãi suất vay tại ngày 30/6/2015: 2,85%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là **540,000.00 USD** tương đương 11.790.900.000 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 129,600.00 USD tương đương 2.829.816.000 đồng (*).

(d) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TNHH Indovina theo hợp đồng vay vốn số 81/1014/MTL/1031615 ngày 17/10/2014, với số tiền vay là 441,000.00 USD, với thời hạn vay là 60 tháng; mục đích vay mua máy xà băng SL-1300-032 và lãi suất vay tại 30/6/2015 là 2,7%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 81/1014/HĐTCMM với giá trị ước tính là 519.000 USD. Số dư nợ đến ngày 30/6/2015 là **396,900.00 USD** tương đương 8.666.311.500 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 88,200.00 USD tương đương 1.925.847.000 đồng (*).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(e) Bao gồm các khoản nợ dài hạn phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam như sau:

	USD	Tương đương VND
- Hợp đồng số 2011-00090-000 ngày 21/10/2011	344.770,21	7.528.057.535
- Hợp đồng số 2011-00105-000 ngày 04/11/2011	298.328,27	6.513.997.775
- Hợp đồng số 2012-00101-000 ngày 29/11/2012	256.161,11	5.593.277.837
- Hợp đồng số 2014 – 00116 – 000 ngày 23/7/2014	-	2.009.522.510
- Hợp đồng số 2014-00117-000 ngày 23/7/2014	-	1.444.170.193
Cộng	(**) 899.259,59	23.089.025.851

(**) Trong đó, phần nợ dài hạn đến hạn trả là 8.917.223.472 đồng, bao gồm 908.844.192 đồng và 366,768.00 USD tương đương 8.008.379.280 đồng.

(15.2) Bao gồm:	30/6/2015
- Khoản tiền hàng nhận trước đã xuất hóa đơn mà chưa giao hàng	4.945.545.540
- Thu nhập do đánh giá lại tài sản góp vốn vào Công ty TNHH SMC TOAMI	3.976.495.554
Cộng	8.922.041.094

16. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
(a) Vốn đầu tư chủ sở hữu	295.183.610.000	-	-	295.183.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	153.531.767.160	-	-	153.531.767.160
Vốn khác của chủ sở hữu	5.373.000.000	-	-	5.373.000.000
Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)	-	-	(142.489.800)
(b) Quỹ đầu tư phát triển	78.999.423.263	16.652.246.243	-	95.651.669.506
Quỹ dự phòng tài chính	16.652.246.243	-	16.652.246.243	-
(c) Lợi nhuận chưa phân phối	12.916.732.728	(201.953.344.419)	1.851.158.742	(190.887.770.433)
Cộng	562.514.289.595	(185.301.098.176)	18.503.404.985	358.709.786.433

(a) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 295.183.610.000 đồng tương đương 29.518.361 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu	30/6/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	29.518.361	29.518.361
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	29.518.361	29.518.361
- Cổ phiếu thường	29.518.361	29.518.361
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu thường	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.511.643	29.511.643
- Cổ phiếu thường	29.511.643	29.511.643
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(b) Quỹ đầu tư phát triển tăng lên trong kỳ do Quỹ dự phòng tài chính chuyển sang phù hợp với quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(c) Lợi nhuận chưa phân phối		
- Lợi nhuận lũy kế đến 01/01/2015		12.916.732.728
- Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phát sinh trong kỳ		(201.953.344.419)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi		(1.851.158.742)
Lợi nhuận/(lỗ) lũy kế đến 30/6/2015		(190.887.770.433)
17. Lợi ích cổ đông thiểu số	30/6/2015	01/01/2015
- Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	4.667.108.711	4.417.957.565
- Công ty TNHH Liên doanh Ống Thép SENDO	21.770.000.000	-
Cộng	26.437.108.711	4.417.957.565
VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
1. Doanh thu thuần	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	5.410.623.911.666	5.350.129.292.207
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.756.905.361	10.458.197.962
Hàng bán bị trả lại	(882.735.297)	(593.167.730)
Giảm giá hàng bán	(540.562.871)	(341.741.623)
Cộng	5.423.957.518.859	5.359.652.580.816
2. Giá vốn hàng bán	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
Giá vốn hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	5.410.938.340.413	5.220.473.943.153
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	24.463.101.030	(5.791.871.570)
Tồn thất do giảm giá của bất động sản đầu tư	1.534.200.789	-
Cộng	5.436.935.642.232	5.214.682.071.583
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
Lãi tiền gửi ngân hàng	24.425.204.931	8.346.216.310
Lãi ký quỹ, lãi cho vay	1.772.874.444	611.438.889
Chiết khấu thanh toán nhận được	421.468.297	650.711.410
Lãi chênh lệch tỷ giá	811.194.489	8.274.651.817
Lãi bán chứng khoán	-	14.317.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	333.351.400	773.101.900
Cộng	27.764.093.561	18.670.437.326

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
4. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	57.712.028.649	28.538.944.768
Chi phí vốn tăng thêm phát sinh từ vay bằng VND tham chiếu lãi suất USD	11.188.279.161	2.052.602.610
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	1.791.130.861	(754.128.740)
Lỗ bán chứng khoán	-	23.856.740
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.346.297.065	15.168.741.637
Chi phí tài chính khác	-	124.296
Cộng	83.037.735.736	45.030.141.311
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	9.957.128.663	8.385.545.526
Chi phí vật liệu bao bì, công cụ, dụng cụ	55.418.481	43.508.202
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.823.177.648	2.308.564.858
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.756.818.400	49.858.922.001
Chi phí khác bằng tiền	8.001.025.873	8.527.062.897
Cộng	86.593.569.065	69.123.603.484
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	11.383.999.372	8.226.309.785
Chi phí dụng cụ văn phòng	269.223.574	641.657.660
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.771.278.917	9.384.624.462
Dự phòng phải thu khó đòi	39.706.172.338	2.188.577.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.440.608.301	13.638.243.885
Phân bổ chi phí lợi thế thương mại	560.977.649	560.977.649
Chi phí bằng tiền khác	4.108.538.744	4.322.728.039
Cộng	71.240.798.895	38.963.119.073
7. Thu nhập khác		
Thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, phế liệu	1.821.179.168	5.656.224.424
Thu nhập do đánh giá lại tài sản đi góp vốn	11.929.486.663	-
Thu hỗ trợ từ Công ty China Steel Sumikin Việt Nam	1.814.414.277	-
Thu nhập do được hỗ trợ phí bảo lãnh	1.150.851.335	198.516.667
Thu tiền bồi thường	384.888.955	729.998.748
Thu lãi vi phạm hợp đồng	35.157.282	-
Thu lãi quá hạn	282.752.808	2.202.014.543
Xử lý kiểm kê	14.969.965	1.908.707.178
Thu nhập khác	669.019.527	532.776.514
Cộng	18.102.719.980	11.228.238.074



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
8. Chi phí khác		
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, phế liệu	128.315.280	4.404.958.951
Chi phí khấu hao tài sản thuê tài chính	-	2.432.212.682
Thuế TNCN, GTGT và TNDN bị truy thu	79.749.216	-
Các khoản tiền phạt	128.902.126	62.931.509
Xử lý kiểm kê	-	687.075.186
Thuế TNDN của nhà thầu	123.094.692	-
Chi phí khác	330.473.587	177.795.998
Cộng	790.534.901	7.764.974.326
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại các công ty:		
- Công ty TNHH Thép SMC	990.427.132	1.617.811.538
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	702.437.154	1.634.901.089
- Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	-	182.261.642
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	-	84.187.066
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.692.864.286	3.519.161.335
10. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời chịu thuế (được khấu trừ) như sau:		
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(6.860.603.690)	299.026.444
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(186.494.629)	242.297.468
- Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.558.787.310	891.933.498
- Lỗ tính thuế chưa sử dụng	(1.501.014.234)	636.139.049
- Chênh lệch tỷ giá	3.054.343	38.300.063
- Chi phí khấu hao	(192.279.511)	(360.861.670)
- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn	(874.829.022)	-
Cộng	(8.053.379.434)	1.746.834.852
11. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(201.953.344.419)	9.448.523.247
Các khoản điều chỉnh tăng / giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(201.953.344.419)	9.448.523.247
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	29.511.643	29.511.643
Lãi cơ bản trên cổ phiếu / (lỗ)	(6.843)	320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Thông tin khác

1. Số dư và nghiệp vụ với các bên liên quan

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên doanh	Phải thu	81.422.079.365
		Phải trả khác	(9.009.470.720)
		Phải trả	(69.172.153.420)
Công Ty TNHH SMC TOAMI	Công ty liên kết	Phải thu	6.764.336.513
		Phải trả	(178.745.003)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt	Công ty liên kết	Phải trả khác	(1.194.750.000)

Trong thời kỳ tài chính này, Tập đoàn phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên doanh	Mượn hàng hóa	(9.009.470.720)
		Bán hàng hóa	3.872.954.042
		Cung cấp dịch vụ	803.460.000
		Mua hàng hoá	(206.544.435.969)
Công ty TNHH SMC TOAMI	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	5.353.196.854
		Cung cấp dịch vụ	687.223.960
		Mua hàng hoá	(1.206.819.726)

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Báo cáo bộ phận

Tại ngày 30/6/2015, Công ty báo cáo hoạt động các bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý như sau:

Doanh thu từ khách hàng bên	Hồ Chí Minh	Bình Dương	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hà Nội	Loại trừ	Cộng
* ngoài	3.613.618.563.674	463.546.886.867	1.103.708.163.853	243.083.904.465	-	5.423.957.518.859
Giữa các bộ phận	1.536.004.159.868	81.780.244.970	658.568.175.461	4.013.084.749	(2.280.365.665.048)	-
Tổng cộng doanh thu thuần	5.149.622.723.542	545.327.131.837	1.762.276.339.314	247.096.989.214	(2.280.365.665.048)	5.423.957.518.859

Kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận gộp	110.056.093.844	8.161.517.212	(137.410.980.191)	7.264.195.275	(1.048.949.513)	(12.978.123.373)
Chi phí hoạt động	(94.258.036.960)	(11.362.795.200)	(47.870.482.934)	(4.726.691.607)	383.638.741	(157.834.367.960)
Thu nhập tài chính	42.113.614.905	1.307.385.462	1.197.950.013	31.951.394	(16.886.808.213)	27.764.093.561
Chi phí tài chính	(150.951.785.970)	(5.642.549.048)	(21.748.323.710)	(2.580.724.484)	97.885.647.476	(83.037.735.736)
Lợi nhuận / (lỗ) khác	16.885.036.568	162.130.690	3.291.875.202	1.719.302.824	(4.746.160.206)	17.312.185.079
Lợi nhuận đầu tư LD, LK	765.732.797	-	-	-	-	765.732.797
Lợi nhuận trước thuế	(75.389.344.816)	(7.374.310.884)	(202.539.961.620)	1.708.033.402	75.587.368.286	(208.008.215.632)
Chi phí thuế TNDN	(17.284.416.830)	(1.622.283.714)	(164.844.204)	-	12.711.029.600	(6.360.515.148)
Lợi nhuận sau thuế	(58.104.927.986)	(5.752.027.170)	(202.375.117.416)	1.708.033.402	62.876.338.685	(201.647.700.484)

Tài sản và nợ phải trả

Tài sản của bộ phận	3.477.334.749.888	269.648.363.671	1.352.367.327.887	182.413.163.152	(1.374.431.447.484)	3.907.332.157.114
Tài sản thuế hoãn lại	30.810.398.405	2.592.849.608	5.000.334.692	-	(15.511.109.620)	22.892.473.085
Tổng tài sản	3.508.145.148.293	272.241.213.279	1.357.367.662.579	182.413.163.152	(1.389.942.557.104)	3.930.224.630.199
Nợ phải trả của bộ phận	2.895.026.205.071	246.823.527.339	1.364.763.267.473	156.331.907.592	(1.117.867.172.420)	3.545.077.735.055
Mua sắm tài sản cố định	5.466.946.639	-	24.012.732.436	-	-	29.479.679.075
Chi phí khấu hao	11.256.464.183	164.318.826	7.198.749.325	1.598.416.558	-	20.217.948.892

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Quản lý rủi ro tài chính

4.1 Rủi ro thị trường

a. Rủi ro giá

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

b. Rủi ro tiền tệ

Tập đoàn chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD như sau:

	USD	Tương đương VND
Tài sản tài chính		
- Tiền gửi ngân hàng	929.274,98	20.232.974.501
- Phải thu khách hàng	4.197.259,59	91.470.517.341
Cộng	5.126.534,57	111.703.491.842
Nợ tài chính		
- Vay và nợ ngắn hạn	15.611.864,59	340.888.763.392
- Phải trả người bán	9.698.224,98	211.761.112.440
- Vay và nợ dài hạn	711.591,59	15.537.602.368
Cộng	26.021.681,16	568.187.478.200
Mức rủi ro tiền tệ	(20.895.146,59)	(456.483.986.357)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn cho năm tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (22.824.640.402) đồng Việt Nam do (lỗ)/lãi chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

c. Rủi ro lãi suất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

Tài sản có lãi suất	30/6/2015	Biến động lãi suất 2% (*)
- Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn	671.750.000.000	13.435.000.000
- Cho vay ngắn hạn	9.700.000.000	194.000.000
- Ký quỹ	2.102.000.000	42.040.000
Cộng	683.552.000.000	13.671.040.000
Nợ phải trả có lãi suất	30/6/2015	Biến động lãi suất 2%
- Các khoản vay và nợ	2.666.029.026.107	53.320.580.522
Cộng	2.666.029.026.107	53.320.580.522
Chênh lệch		(39.649.540.522)

(*) Biến động lãi suất 2% = tổng số dư Tài sản có lãi suất hoặc tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất x 2%.

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (39.649.540.524 đồng).

4.2 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Tập đoàn sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Tập đoàn là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Tập đoàn và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Tập đoàn.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 30/6/2015	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
- Các khoản vay và nợ	2.568.289.675.228	97.739.350.879	2.666.029.026.107
- Phải trả người bán	819.898.825.192	-	819.898.825.192
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.062.950.747	-	1.062.950.747
- Phải trả người lao động	753.971.198	-	753.971.198
- Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	32.694.248.170	-	32.694.248.170
Cộng	3.422.699.670.535	97.739.350.879	3.520.439.021.413

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là rất cao. Tập đoàn tin tưởng vẫn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC và CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tập đoàn đã thể chấp tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh tại mục số 14.1 và 15.1 - phần Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

	Giá trị sổ sách	So sánh với giá thị trường		Đơn vị tính: 1.000 đồng	
		Tăng	Giảm	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư ngắn hạn					
Chứng khoán vốn niêm yết	3.953.039	-	(2.792.483)	1.160.556	(2.792.483)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	3.608.392	-	(2.199.054)	1.409.338	(2.199.054)
Tiền gửi có kỳ hạn	671.750.000	-	-	671.750.000	-
Cho vay	9.700.000	-	-	9.700.000	-
Các khoản đầu tư dài hạn					
Chứng khoán vốn niêm yết	33.599.960	-	(23.875.960)	9.724.000	(23.875.960)
Chứng khoán vốn giao dịch trên sàn UPCOM	14.895.807	-	(11.243.885)	3.651.922	(11.243.885)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (*)	93.299.500	5.424.404	(16.134.726)	82.589.178	(16.134.726)
Cộng	830.806.698	5.424.404	(56.246.108)	779.984.994	(56.246.108)

(*) Bao gồm cả khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác.

Tại ngày 30/6/2015, đối với các khoản đầu tư ngắn hạn, đầu tư dài hạn khác: do Tập đoàn không xác định được giá thị trường từ các nguồn tin cậy cũng như giá trị sổ sách của các chứng khoán chưa niêm yết nên Tập đoàn ghi nhận theo giá gốc đầu tư ban đầu hoặc theo giá trị xét đoán của Ban Giám đốc.

4.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Tập đoàn bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Tập đoàn bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Tập đoàn đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Tập đoàn với điều kiện trả tiền trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tập đoàn sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Tập đoàn có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Tập đoàn là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Tập đoàn.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 1.094.702.796.110 đồng Việt Nam.


Tài sản tài chính quá hạn và / hoặc suy giảm giá trị


Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:


Giá trị ghi sổ	30/6/2015
Tổng gộp	88.737.805.452
Trừ dự phòng giảm giá trị	(87.463.339.663)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	<u>1.274.465.789</u>

Dự phòng giảm giá trị

Số dư đầu năm	(54.511.324.200)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(40.149.925.288)
Xử lý xóa sổ khoản dự phòng	6.754.156.875
Giảm do hoàn nhập	443.752.950
Số dư cuối kỳ	<u>(87.463.339.663)</u>


Nguyễn Thị Hồng Phúc
Người lập biểu


Đỗ Doãn Thành Công
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 8 năm 2015

